TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:06/2025/HNGĐ-ST Ngày: 07 - 8 - 2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị S - Sinh năm 1991
Nơi đăng ký thường trú: Làng CT, xã MS, tỉnh TH.
Địa chỉ nơi ở hiện nay: Phố GL, phường PL, tỉnh BN.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ - Sinh năm 1981
Địa chỉ: Làng CT, xã MS, tỉnh TH.
Tại phiên toà vắng mặt chị S và anh Đ, chị Bùi Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ vợ chồng tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, (nay là xã MS), tỉnh TH vào ngày 25/12/2012, theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống chung vợ,

chồng hoà thuận hạnh phúc hơn 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai vợ chồng không cùng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra cũng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất kể từ đầu năm 2020 cho đến nay, và kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 27/7/2010 và Phạm Huy H, sinh ngày 01/5/2014. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu P và H cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Phạm Văn Đ mỗi tháng 1.500.000đ cho một cháu, cả hai cháu một tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh và chị Bùi Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, (nay là xã MS), tỉnh TH vào ngày 25/12/2012. Sau khi về sống chung vợ, chồng hoà thuận hạnh phúc hơn 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị Bùi Thị S trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng chị Bùi Thị S thường xuyên không có mặt ở nhà và không chăm sóc các con, chị S cũng đã tự ý lấy giấy đăng ký kết hôn để đi làm thủ tục ly hôn mà không hỏi ý kiến của anh. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị Bùi Thi S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 27/7/2010 và Phạm Huy H, sinh ngày 01/5/2014. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu P và H cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Anh yêu cầu chị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ/cháu, cả hai cháu một tháng là 6.000.000 đồng cho đến khi các con đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn Đ chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn với anh

Phạm Văn Đ. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 27/7/2010 và Phạm Huy H, sinh ngày 01/5/2014. Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự và ý kiến của các con về việc giao nuôi con chung, giao hai cháu P và H cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Do các đương sự không thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, buộc chị Bùi Thị S phải cấp dưỡng nuôi theo quy định. Chị Bùi Thị S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn Đ. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Chị Bùi Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã CN (nay là xã MS), tỉnh TH vào ngày 25/12/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S và anh Đ đều thừa nhận: Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng kéo dài đã được 05 năm. Tuy nhiên anh Đ cho rằng chị S thường xuyên không có mặt ở nhà và không chăm sóc các con, chị S cũng đã tự ý lấy giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng để đi làm thủ tục ly hôn mà không hỏi ý kiến của anh, do đó anh không đồng ý ly hôn với chị S. Về vấn đề này HĐXX thấy rằng: Anh Đ và chị S đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, thời gian sống ly thân kéo dài 05 năm, như vậy hôn nhân thực tế không còn tồn tại, việc này đã được chính quyền Ủy ban nhân dân xã xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Đ có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 27/7/2010 và Phạm Huy H, sinh ngày 01/5/2014.

Ly hôn chị S và anh Đ đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết giao hai cháu P và H cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con, cũng theo nguyện vọng của các con, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao hai cháu Phạm Hoàng P và Phạm Huy H cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị S và anh Đ có nguyện vọng sau khi ly hôn giao hai con P và H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị S đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cả hai con mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi các con đến tuổi thành niên.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2025 anh Đ trình bày, ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Phương và Hoàng, anh yêu cầu chị S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/một cháu, cả hai cháu mỗi tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) cho đến khi các con đến tuổi thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung HĐXX thấy rằng: Chị S và anh Đ không thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con chung, căn cứ vào tình hình thực tế, công việc và thu nhập hiện tại của chị S, xét nguyện vọng của chị S Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự không thống nhất được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, buộc chị S cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng, cả hai cháu là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) là phù hợp. Anh Phạm Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đối với chị S khi có đủ căn cứ cho rằng mức cấp dưỡng hiện tại không còn phù hợp.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147;227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 27/7/2010 và Phạm Huy H, sinh ngày 01/5/2014 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Chị Bùi Thị S được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị S cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phạm Văn Đ mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), cả hai con là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2025.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng án phí chị S phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007611 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - TH)

Chị Bùi Thị S còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị S và anh Đ. Chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã MS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Đăng Thảnh **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Lê Thị Ngọc** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Kim Bình **Phạm Thị Diệu** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**